Hướng dẫn soạn Tiếng Anh 8 Review 3 Language, hướng dẫn dịch và [giải bài tập SGK Tiếng Anh lớp 8](https://doctailieu.com/giai-bai-tap-anh-8-c9848) - Review 3: Unit 7 - 8 - 9.

**Giải bài tập Tiếng Anh 8 Review 3 Language**

Nội dung phần này giúp các em ôn tập lại kiến thức tự vựng, ngữ pháp đã học ở Unit 7-8-9 .

**Pronunciation**

**1. Match the stress on the correct syllables in the words. Then listen and repeat.**

**Audio**

Dịch

Đánh dấu trọng âm vào âm đúng trong các từ. Sau đó nghe và lặp lại.

Answer

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nepa'lese | ath'letic | eco'nomic | ge'ography |
| 'musical | tech'nology | bi'ology | 'physical |
| pho'tography | refe'ree | Japa'nese | exami'nee |

**Vocabulary**

**2. Complete each sentence with the suitable form of the word provided.**

Dịch

Hoàn thành câu với dạng đúng của từ đã cho.

1. Công nghệ sẽ có thể giúp dự đoán được những thảm họa thiên nhiên.

2. Đài tưởng niệm biểu tượng luôn là điểm thu hút cho khách tham quan và du lịch.

3. Lũ lụt, sóng thần, hạn hán là những ví dụ của thảm họa thiên nhiên.

4. Scotland là nơi thú vị để viếng thăm với nền văn hóa đa dạng của nó.

5. Những nạn nhân của ngôi làng bị lũ đã được cung cấp thực phẩm và thuốc men.

6. Dòng sông sẽ trở nên ô nhiễm nếu con người ở đây vẫn cứ thải rác vào nó.

Answer

1. predict                                            2. iconic

3. natural                                           4. culture

5. flooded                                          6. poluted

**3. Match the definition with their words.**

Dịch

Nối các định nghĩa với các từ.

1. một tai nạn rất nghiêm trọng mà gây ra nhiều cái chết và sự phá hủy

2. một người, cây, hoặc động vật đến từ một vùng đất đặc biệt

3. một chất mà làm cho không khí, đất... bị bẩn

4. điều có thể xảy ra cho tòa nhà trong trận động đất

5. một nơi có sự thú vị về văn hóa hoặc thiên nhiên

6. làm bẩn bằng cách thêm chất độc hoặc hóa chất

**Answer**

1 - c    `                                      2 - a

3 - f                                            4 - b

5 - d                                           6 - e

**Grammar**

**4. Choose the correct answer A, B, C, or D to complete the sen tences.**

Dịch

Chọn câu trả lời đúng A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu.

1. Thành phố chúng ta \_\_\_\_ những loại ô nhiễm khác nhau.

A. đang đau khổ

B. đang đau khổ

C. đau khổ

D. đã bị

2. Vài cơn bão nhiệt đới \_\_\_\_ vào đất nước ta gần đây.

A. tấn công

B. đã xảy ra

C. đang nổi bật

D. đình công

3. Những nạn nhân trên mái nhà đã được cung cấp thực phẩm và nước uống bởi đội cứu hộ.

A. cung cấp

B. sẽ được cung cấp

C. đã được cung cấp

D. đã cung cấp

4. Nếu chúng ta không hành động sớm, việc ô nhiễm sẽ tệ hơn nữa.

A. đừng hành động

B. không hành động

C. sẽ không hành động

D. đã không hành động

5. Tôi đã biết tin tức từ ti vi về trận động đất phá hủy hàng trăm ngôi nhà.

A. tiêu diệt

B. đã bị phá hủy

C. đã bị phá hủy

D. đang phá hủy

6. Nhìn vào thời khóa biểu hàng tuần của bạn. Bài thuyết trình về ô nhiễm tầm nhìn của bạn bắt đầu lúc 9:45. Đừng trễ nhé.

A. đang bắt đầu

B. bắt đầu

C. đã bắt đầu

D. đã bắt đầu

Answer

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| A | B | C | A | C | B |

**5. Use the verbs in brackets in the form to complete the conditional sentences.**

Dịch

Sử dụng những động từ trong ngoặc đơn ở dạng đúng để hoàn thành câu điều kiện.

1. Nếu những cái cây có đủ nước và ánh sáng mặt trời, chúng sẽ lớn tốt.

2. Nếu hôm nay là ngày Chủ nhật, chúng tôi sẽ không phải làm việc như thế này.

3. Nếu tôi có thể chọn thành phố để thăm, tôi sẽ đi San Francisco. Nó là giấc mơ của tôi.

4. Nếu chúng ta không hành động sớm, chúng ta sẽ mất khu rừng đó trong 5 năm tới.

5. Nếu không có nước và không khí, sẽ không có sự sống trên Trái đất.

6. Nếu mọi người sử dụng năng lượng mặt trời, sẽ có ít ô nhiễm hơn.

Answer

1. get; will grow

2. was/were; would not have to work

3. could choose; would go

4. don’t act; will lose

5. was/ were; would be

6. used; would be

**6. Choose the correct voice to complete the sentences**

Dịch

Chọn dạng đúng của động từ để hoàn thành câu.

1. Thực phẩm và thuốc đã được gửi đến cho những nạn nhân của cơn bão.

2. Tuần rồi, cộng đồng đã tổ chức vài hoạt động để quyên góp tiền cho những người bị thương trong trận động đất.

3. Anh Quốc được hình thành bởi nước Anh, Scotland và Wales.

4. Ô nhiễm nước chủ yếu bị gây ra bởi chất thải công nghiệp và chất thải từ hộ gia đình.

5. Canberra được chọn là thủ đô của ức vào năm 1908.

6. Đô thị hóa đang xảy ra nhanh chóng. Những tòa nhà cao tầng đã thay thế những cánh đồng và những đồng cỏ.

Answer

1. have been sent                                      2. organised

3. is made up                                             4. is caused

5. was chosen                                           6. have replaced

**Everyday English**

**7. Match the sentences in A with replies in B.**

Dịch

Nối câu ở A với câu trả lời ở B.

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1. Chuyến thăm của bạn đến hẻm núi lớn như thế nào?  2. Chủ nhật rồi nhóm chúng tôi đã dành gần như cả ngày để dọn bãi biển.  3. Bạn có nghe vụ cháy ở trung tâm mua sắm ABC chưa?  4. Alaska và Hawaii không cùng biên giới với những bang khác ở Mỹ.  5. Nhìn này, Phong. Có 2 cầu vồng trên trời.  6. Việc tổ chức một ngày sạch sẽ cho trường chúng ta thì sao? | a. Tuyệt vời. Bạn đang giúp làm giảm sự ô nhiễm.  b. Sao lại thế nhỉ?  c. Không, tôi không biết về điều đó  d. Ồ, mình không thể nào tin nổi.  e. Ly kỳ. Mình chưa bao giờ thấy một nơi nào tuyệt vời như thế.  f. Ý kiến hay. Chúng ta bắt đầu như thế nào?  g. Chưa. Có ai bị thương không? |

Answer

1 - e                                           4 - b

2 - a                                           5 - d

3 - g                                           6 - f

-/-

Giải bài tập Tiếng Anh 8 mới Review 3: Unit 7 - 8 - 9 - Language do Đọc tài liệu tổng hợp. Hi vọng sẽ giúp việc học Anh 8 của các em sẽ thú vị và dễ dàng hơn.

*- Trọn bộ* [*Tiếng anh 8*](https://doctailieu.com/tieng-anh-lop-8-c9760) *-*